

Số: 1569 /QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ năm 2025 (đợt 3)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-ĐHTM ngày 19/01/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 2469/QĐ-ĐHTM ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 8/8/2025 của Hội đồng Khoa học – Đào tạo xét tốt nghiệp cho cao học và nghiên cứu sinh năm học 2025 – 2026;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ kinh tế cho 212 (Hai trăm mười hai) học viên của Trường Đại học Thương mại, trong đó:

- Hình thức đào tạo chính quy: 210 học viên;
- Hình thức đào tạo vừa làm vừa học: 02 học viên.

(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng phòng Pháp chế và Thanh tra, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thư*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Viện ĐTSĐH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 3 NĂM 2025  
(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-ĐHTM, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Hình thức đào tạo: Chính quy

| TT | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1  | Vũ Thị Dương         | 22BM0110089 | 034195015443 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/05/1995            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 06/06/2024  |         |
| 2  | Lê Thị Thu Huyền     | 22BM0110106 | 031300008561 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/04/2000            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 3  | Phạm Thị Khánh Huyền | 22BM0110105 | 031198006306 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/06/1998            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 4  | Nguyễn Thị Nội       | 22BM0110120 | 001187029578 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/10/1987            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 5  | Mai Phương Trung     | 22BM0110151 | 001086040035 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 23/05/1986            | CH28BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 12/06/2024  |         |
| 6  | Nguyễn Thị Lan Anh   | 22BM0110079 | 035184003563 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/07/1984            | CH28BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 05/06/2024  |         |
| 7  | Nguyễn Thái Dương    | 22BM0110088 | 035097000670 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 03/06/1997            | CH28BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 8  | Nguyễn Thị Huệ       | 22BM0110104 | 035180002008 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/09/1980            | CH28BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 9  | Hà Thị Phong Cảnh    | 22BM0110006 | 025183010379 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/10/1983            | CH28BQLKT.N3 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 18/06/2024  |         |
| 10 | Lương Minh Phương    | 22BM0110055 | 025085017719 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/05/1985            | CH28BQLKT.N3 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 18/06/2024  |         |
| 11 | Tạ Thu Thủy          | 22BM0110073 | 025195009840 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/09/1995            | CH28BQLKT.N3 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 05/06/2024  |         |
| 12 | Phan Thùy Linh       | 22BM0110039 | 008196000508 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 25/01/1996            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 13 | Đặng Hải Nghĩa       | 22BM0110046 | 002090001136 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/01/1990            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 17/06/2024  |         |
| 14 | Đào Thị Trang Thu    | 22BM0110072 | 008182000543 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 14/10/1982            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 10/06/2024  |         |
| 15 | Hoàng Thị Xuyến      | 22BM0110078 | 008179000572 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 01/01/1979            | CH28BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 16 | Nguyễn Thị Thu Hương | 22BM0110030 | 001186034413 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/11/1986            | CH28BQLKT.N6 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |

*[Signature]*

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 17 | Phạm Thị Thúy Hằng    | 23AM0110024 | 001182042839 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/07/1982            | CH29AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 18 | Ngô Xuân Thắng        | 23AM0110072 | 031200002098 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/06/2000            | CH29AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 19 | Vương Thị Huyền Trang | 23AM0110083 | 001194008733 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/09/1994            | CH29AQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 20 | Đinh Thị Thu          | 23AM0110074 | 035191014573 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 23/01/1991            | CH29AQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 28/11/2024  |         |
| 21 | Nguyễn Thuý Vân       | 23AM0110094 | 040188020811 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/05/1988            | CH29AQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 22/11/2024  |         |
| 22 | Ngô Hà Như            | 23AM0110121 | 008083000624 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/01/1983            | CH29AQLKT.N3 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 23/11/2024  |         |
| 23 | Lê Phương Anh         | 23BM0110005 | 022301001229 | Quảng Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/06/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 24 | Lê Thị Vân Anh        | 23BM0110007 | 027196011225 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/11/1996            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 25 | Nguyễn Hoàng Anh      | 23BM0110008 | 040195000477 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/10/1995            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 26 | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 23AHTTS06   | 040301000715 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/05/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 27 | Vũ Duy Anh            | 23BM0110006 | 001202002192 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 09/01/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 28 | Vũ Quỳnh Anh          | 23BM0110010 | 001302009656 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/11/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 29 | Lê Nhật Ánh           | 23BM0110011 | 037302004685 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 23/10/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 30 | Trịnh Linh Chi        | 23BM0110013 | 026198005234 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/06/1998            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 31 | Dương Thành Công      | 23BM0110014 | 026201002474 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 18/01/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 32 | Đặng Văn Diễm         | 23BM0110017 | 036202017145 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/09/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 33 | Đào Thị Thuý Dương    | 23BM0110018 | 024199002408 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/03/1999            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 34 | Đặng Tiến Đạt         | 23BM0110015 | 008200005862 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 19/12/2000            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 35 | Nguyễn Đồng Tuấn Đạt  | 23BM0110016 | 001099001618 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 07/05/1999            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 36 | Nguyễn Hương Giang    | 23BM0110020 | 037300008265 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/09/2000            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |

*Chữ ký*

| TT | Họ và tên học viên     | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|------------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 37 | Vũ Thu Giang           | 23BM0110019 | 030302002074 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 27/09/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 38 | Hoàng Ngọc Hà          | 23BM0110023 | 014300004879 | Sơn La      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/09/2000            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 39 | Đỗ Thu Hằng            | 23BM0110026 | 001301023199 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/12/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 40 | Nguyễn Thanh Hằng      | 23BM0110025 | 001189004263 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/11/1989            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 41 | Lê Thị Hiền            | 23BM0110029 | 038189022616 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 17/09/1989            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 42 | Đỗ Minh Hoàng          | 23BM0110030 | 024201000334 | Bắc Ninh    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 23/12/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 43 | Nguyễn Khánh Huyền     | 23BM0110035 | 015197000526 | Lào Cai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/06/1997            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 44 | Nguyễn Sinh Hùng       | 23BM0110032 | 030201002427 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/05/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 45 | Bùi Đức Hưng           | 23BM0110033 | 022094005728 | Quảng Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 16/07/1994            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 46 | Lê Thị Lan Hương       | 23AHTTS05   | 02631001238  | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/04/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 47 | Phạm Gia Khánh         | 23BM0110036 | 035099000007 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/10/1999            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 48 | Đặng Thanh Lệ          | 23BM0110037 | 044090006217 | Quảng Trị   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 20/08/1990            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 49 | Nguyễn Khánh Linh      | 23BM0110039 | 031301008678 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/11/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 50 | Nguyễn Thị Mỹ Linh     | 23BM0110038 | 024300007755 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/01/2000            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 51 | Phạm Nhật Linh         | 23BM0110040 | 031196000517 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/05/1996            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 52 | Phạm Thùy Linh         | 23BM0110042 | 008302000875 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 24/08/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 53 | Tường Ngọc Phương Linh | 23BM0110041 | 064302004875 | Gia Lai     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/09/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 54 | Đới Đức Lợi            | 23BM0110044 | 019088000312 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 21/01/1988            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 55 | Hoàng Khánh Ly         | 23BM0110045 | 001302012954 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/08/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 56 | Nguyễn Đức Mạnh        | 23BM0110046 | 025094001046 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 20/09/1994            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |

*Được*

| TT | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 57 | Hoàng Bình Minh       | 23BM0110048 | 026082015023 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 31/05/1982            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 58 | An Thị Bích Ngọc      | 23BM0110050 | 037199001375 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/11/1999            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 59 | Trần Bích Ngọc        | 23BM0110051 | 001188032221 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/01/1988            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 60 | Nguyễn Trang Nhung    | 23BM0110054 | 014302005252 | Sơn La      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/11/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 61 | Nguyễn Hà Phương      | 23BM0110056 | 035301005089 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/05/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 62 | Nguyễn Minh Quân      | 23BM0110059 | 014202012989 | Sơn La      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 30/04/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 63 | Đặng Tiến Thành       | 23BM0110063 | 031099013203 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/02/1999            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 64 | Trịnh Quang Thành     | 23BM0110062 | 001202007273 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 25/10/2002            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 65 | Trần Quyết Thắng      | 23BM0110061 | 001082006249 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/08/1982            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 66 | Lê Quang Thịnh        | 23BM0110064 | 030200009347 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 28/04/2000            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 67 | Nguyễn Thị Thuý       | 23BM0110067 | 001190002263 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 14/11/1990            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 68 | Nguyễn Thị Thu Thủy   | 23BM0110069 | 030184004230 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/12/1984            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 69 | Hoàng Thị Quỳnh Trang | 23BM0101071 | 030191010914 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 14/04/1991            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 70 | Tạ Trần Tâm Trang     | 23BM0110070 | 001197024113 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/08/1997            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 71 | Nguyễn Thị Thanh Vân  | 23BM0110073 | 025190001288 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/12/1990            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 72 | Nguyễn Lâm Vũ         | 23BM0110075 | 001201003364 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/07/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 73 | Phùng Nhật Vy         | 23BM0110076 | 031301000174 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 22/04/2001            | CH29BQLKT.N1 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 74 | Nguyễn Thị Hằng       | 23BM0110088 | 015188002784 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/11/1988            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 75 | Nguyễn Đức Thiện      | 23BM0110093 | 025083007192 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 17/12/1983            | CH29BQLKT.N2 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 76 | Nguyễn Thị Ánh        | 23BM0110012 | 008193000403 | Tuyên Quang | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 02/01/1993            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |

*Đan*

| TT | Họ và tên học viên      | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo       | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|-------------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 77 | Lê Thu Dung             | 23BM0110100 | 008199002898 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/05/1999            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 78 | Nguyễn Thị Thương Huyền | 23BM0110104 | 008185001037 | Tuyên Quang | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/06/1985            | CH29BQLKT.N5 | Quản lý kinh tế     | Quản lý kinh tế      | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 79 | Phan Ngọc Sơn           | 21BM0101070 | 038097003402 | Thanh Hoá   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/02/1997            | CH27BQTKD.T1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 80 | Bùi Văn Doãn            | 22BM0101009 | 035078003299 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/12/1978            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 14/06/2024  |         |
| 81 | Phạm Anh Minh           | 22BM0101030 | 001096016729 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/11/1996            | CH28BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 82 | Ngô Thu Hiền            | 23AM0101020 | 036187000188 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/05/1987            | CH29AQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 29/11/2024  |         |
| 83 | Nguyễn Thùy Linh        | 23AM0101038 | 001301023880 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/07/2001            | CH29AQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 84 | Nguyễn Đức Thiện        | 23AM0101057 | 037083001485 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 28/09/1983            | CH29AQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 27/11/2024  |         |
| 85 | Lê Thị Thúy An          | 23BM0101001 | 001190025188 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/01/1990            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 86 | Lê Đức Anh              | 23BM0101002 | 038201001567 | Thanh Hóa   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/02/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 87 | Ngô Hải Anh             | 23BM0101004 | 001300021477 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/10/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 88 | Nguyễn Văn Anh          | 23BM0101006 | 034198012247 | Hung Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/10/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 89 | Trần Minh Anh           | 23BM0101007 | 001201005065 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 17/04/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 90 | Nguyễn Đức Biền         | 23BM0101009 | 001200005843 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 11/03/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 91 | Lê Thị Châm             | 23BM0101010 | 001197037047 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/11/1997            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 92 | Nguyễn Thị Linh Chi     | 23BM0101012 | 017197001379 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/04/1997            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 93 | Lê Đỗ Ngọc Dũng         | 23BM0101013 | 034201004806 | Hung Yên    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/11/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 94 | Trịnh Trọng Dương       | 23BM0101015 | 038079023302 | Thanh Hóa   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 25/04/1979            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 95 | Bùi Bá Đạt              | 23BM0101016 | 030083014299 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 05/10/1983            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 96 | Nguyễn Thành Đô         | 23BM0101017 | 001202016115 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/06/2002            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |

| TT  | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo       | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 97  | Đoàn Thị Hương Giang | 23BM0101018 | 019198000020 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/02/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 98  | Phạm Thị Hạ          | 23BM0101021 | 030301001090 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 09/09/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 99  | Lê Thị Thúy Hiền     | 23BM0101022 | 038198004302 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/04/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 100 | Phan Thị Hiền        | 23BM0101023 | 034197003291 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/03/1997            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 101 | Chu Thanh Hiếu       | 23BM0101025 | 036080001308 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 02/09/1980            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 102 | Lê Thị Hoa           | 23BM0101026 | 038187003703 | Thanh Hoá   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/09/1987            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 103 | Nguyễn Diệu Hoa      | 23BM0101027 | 001191029487 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/11/1991            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 104 | Nguyễn Duy Hưng      | 23BM0101028 | 034200000842 | Hưng Yên    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 31/08/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 105 | Bùi Thị Thu Hương    | 23BM0101029 | 017185012994 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/01/1985            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 106 | Nghiêm Thị Thu Hương | 23BM0101030 | 042187015389 | Hà Tĩnh     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 22/07/1987            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 107 | Bùi Thị Hường        | 23BM0101032 | 030190001814 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/10/1990            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 108 | Đinh Văn Quốc Khánh  | 23BM0101033 | 036099002951 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 15/06/1999            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 109 | Mai Lê Đăng Khoa     | 23BM0101034 | 022201000220 | Quảng Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 03/12/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 110 | Trần Trung Kiên      | 23BM0101035 | 001099026084 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 31/12/1999            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 111 | Nguyễn Thị Thục Linh | 23BM0101036 | 001198020290 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/03/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 112 | Phạm Lê Thùy Linh    | 23BM0101037 | 001300039124 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/05/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 113 | Quách Hồng Linh      | 23BM0101038 | 004300000031 | Cao Bằng    | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 16/12/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 114 | Hà Nhật Nam          | 23BM0101041 | 019201000038 | Thái Nguyên | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 23/09/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 115 | Bùi Phương Nga       | 23BM0101042 | 027300012152 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/09/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 116 | Trịnh Thị Thúy Nga   | 23BM0101043 | 012302007434 | Lai Châu    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/09/2002            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |

| TT  | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 117 | Phạm Thị Thanh Ngân   | 23BM0101045 | 031301005349 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/07/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 118 | Trần Phương Nhung     | 23BM0101052 | 001186015853 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/01/1986            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 119 | Trần Triệu Phong      | 23BM0101053 | 001201000998 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 19/01/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 120 | Lê Thị Như Quỳnh      | 23BM0101057 | 001194025775 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/09/1994            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 121 | Trần Phương Thanh     | 23BM0101060 | 012301000032 | Lai Châu    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/01/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 122 | Nguyễn Quang Thắng    | 23BM0101061 | 027201007887 | Bắc Ninh    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 26/07/2001            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 123 | Nguyễn Quang Thống    | 23BM0101062 | 030079011755 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 28/03/1979            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 124 | Bùi Thanh Thùy        | 23BM0101063 | 034198003449 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/02/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 125 | Vũ Song Thư           | 23BM0101066 | 025302002434 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 04/12/2002            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 12/06/2025  |         |
| 126 | Vũ Đình Tích          | 23BM0101067 | 026089003110 | Phú Thọ     | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/01/1989            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 127 | Đồng Thị Hà Trang     | 23BM0101069 | 031300009608 | Quảng Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/12/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 128 | Đỗ Thị Thu Trang      | 23BM0101070 | 001183046915 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/10/1983            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 129 | Nịnh Thị Thuý Trang   | 23BM0101074 | 008198012064 | Tuyên Quang | Nữ        | Cao Lan | Việt Nam  | 20/09/1998            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 130 | Trần Thị Thu Trang    | 23BM0101075 | 001193046592 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/01/1993            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 131 | Vương Quốc Triệu      | 23BM0101076 | 001202004547 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 24/06/2002            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 132 | Nguyễn Trần Cẩm Tú    | 23BM0101078 | 001300010483 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/10/2000            | CH29BQTKD.N1 | Quản trị kinh doanh   | Quản trị kinh doanh  | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 133 | Nguyễn Sơn Long       | 23AM0121019 | 037090016040 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 29/05/1990            | CH29AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 30/11/2024  |         |
| 134 | Bùi Hồng Mến          | 23AM0121021 | 031193009222 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/05/1993            | CH29AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 23/11/2024  |         |
| 135 | Nguyễn Đặng Như Quỳnh | 23AM0121025 | 031300005149 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/02/2000            | CH29AMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 25/11/2024  |         |
| 136 | Hoàng Thị Quỳnh Anh   | 23BM0121002 | 001301010020 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 21/10/2001            | CH29BMTM.N1  | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |

| TT  | Họ và tên học viên   | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp         | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/dề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|-------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 137 | Nguyễn Ngọc Cẩm Anh  | 23BM0121003 | 001199002591 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 15/11/1999            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 138 | Phạm Đức Anh         | 23BM0121004 | 001200015438 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/12/2000            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 139 | Hoàng Thanh Hà       | 23BM0121007 | 001199023305 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/06/1999            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 140 | Nguyễn Thị Ngọc Hà   | 23BM0121008 | 027300007447 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/03/2000            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 141 | Nguyễn Thị Nhật Hồng | 23BM0121009 | 038198006935 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/12/1998            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 142 | Trần Hạ Lan          | 23BM0121014 | 001301005881 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/05/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 143 | Hồ Hà Linh           | 23BM0121015 | 035198002236 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/12/1998            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 144 | Phạm Gia Linh        | 23BM0121016 | 001301008988 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/09/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 145 | Nguyễn Thuý Nga      | 23BM0121018 | 001197014029 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 23/04/1997            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 146 | Hoàng Thị Ngân       | 23BM0121019 | 027301007547 | Bắc Ninh    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/03/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 147 | Nguyễn Thu Nguyệt    | 23BM0121021 | 019198006358 | Thái Nguyên | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/11/1998            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 148 | Ông Vũ Quỳnh Như     | 23BM0121022 | 001198030317 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/12/1998            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 149 | Phạm Thị Thảo Ninh   | 23BM0121023 | 001300011933 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/02/2000            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 150 | Nguyễn Bảo Phúc      | 23BM0121024 | 001201001792 | Hà Nội      | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 01/02/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 151 | Cao Thu Phương       | 23BM0121025 | 034301010212 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 13/04/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 06/06/2025  |         |
| 152 | Đào Thị Phương       | 23BM0121026 | 030301007446 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/01/2001            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 153 | Nguyễn Văn Quân      | 23BM0121029 | 024200006014 | Bắc Ninh    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 05/04/2000            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 154 | Dương Thu Thảo       | 23BM0121030 | 031193000003 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 06/10/1993            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 155 | Nguyễn Thanh Thảo    | 23BM0121031 | 001302002714 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/08/2002            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 156 | Nguyễn Thị Thùy      | 23BM0121032 | 035300002435 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/10/2000            | CH29BMTM.N1 | Kinh doanh thương mại | Marketing thương mại | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |

| TT  | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo         | Chuyên ngành đào tạo  | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|--------------|-----------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 157 | Đào Thị Thúy Hòa      | 22BM0201015 | 001197003680 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/11/1997            | CH28BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 13/06/2024  |         |
| 158 | Nguyễn Thúy Hằng      | 22BM0201011 | 024198000971 | Bắc Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/02/1998            | CH28BTCNH.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 20/06/2024  |         |
| 159 | Nguyễn Thị Lương      | 22BM0201024 | 027194002391 | Bắc Ninh  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 19/05/1994            | CH28BTCNH.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 12/06/2024  |         |
| 160 | Triệu Ngọc Trung      | 22BM0201044 | 024096015065 | Bắc Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 26/10/1996            | CH28BTCNH.N4 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 11/06/2024  |         |
| 161 | Nguyễn Hoàng Tú Anh   | 23BM0201003 | 001198028214 | Hà Nội    | Nữ        | Tày     | Việt Nam  | 19/09/1998            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 162 | Nguyễn Ngọc Ánh       | 23BM0201005 | 001301020463 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/11/2001            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 163 | Nguyễn Mai Chi        | 23BM0201006 | 033300007037 | Hung Yên  | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/10/2000            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 164 | Nguyễn Thuý Dương     | 23BM0201008 | 031194018575 | Hải Phòng | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/11/1994            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 165 | Lê Anh Đức            | 23BM0201010 | 024201009809 | Bắc Ninh  | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 14/11/2001            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 166 | Nguyễn Minh Đức       | 23BM0201011 | 001201005653 | Hà Nội    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 30/07/2001            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 167 | Nguyễn Bích Hạnh      | 23BM0201015 | 001187019403 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 15/09/1987            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 168 | Nguyễn Đàm Thục Huyền | 23BM0201020 | 001300041856 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 28/06/2000            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 169 | Nguyễn Thùy Linh      | 23BM0201026 | 001199031311 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 08/06/1999            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 04/06/2025  |         |
| 170 | Trần Thị Thanh Mai    | 23BM0201030 | 001300011416 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/07/2000            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 171 | Nguyễn Đức Minh       | 23AHTTS08   | 001201005599 | Hà Nội    | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 04/07/2001            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 172 | Đoàn Hà My            | 23BM0201031 | 001300014727 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/10/2000            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 173 | Lê Minh Ngọc          | 23BM0201032 | 001300040864 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 15/10/2000            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 174 | Trần Huyền Ngọc       | 23BM0201033 | 037302002866 | Ninh Bình | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 05/03/2002            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 175 | Trần Anh Thư          | 23BM0201043 | 001301022835 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/05/2001            | CH29BTCNH.N1 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính – Ngân hàng | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 10/06/2025  |         |
| 176 | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 22BM0301013 | 001300012091 | Hà Nội    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 18/11/2000            | CH28BKT.N1   | Kế toán               | Kế toán               | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 04/06/2024  |         |

| TT  | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo     | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 177 | Nguyễn Đức Tuấn       | 22BM0301018 | 030093007542 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 28/08/1993            | CH28BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 800/QĐ-ĐHTM ngày 10/05/2024                                   | 07/06/2024  |         |
| 178 | Phan Ngọc Anh         | 23AM0301002 | 001300019473 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/09/2000            | CH29AKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 179 | Vũ Thị Kim Dung       | 23AM0301004 | 036183023189 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/01/1983            | CH29AKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 24/11/2024  |         |
| 180 | Phạm Thị Hoài Anh     | 23BM0301001 | 036302005132 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/09/2002            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 181 | Nguyễn Thu Hà         | 23BM0301005 | 001176055330 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/04/1976            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 182 | Nguyễn Thu Hiền       | 23BM0301006 | 001302019579 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/08/2002            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 183 | Lê Thị Khánh Huyền    | 23BM0301007 | 042301000699 | Hà Tĩnh     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/09/2001            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 30/05/2025  |         |
| 184 | Nguyễn Bùi Xuân Mỹ    | 23BM0301013 | 026301001369 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/08/2001            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 02/06/2025  |         |
| 185 | Nguyễn Thu Trang      | 23BM0301026 | 001300035522 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/02/2000            | CH29BKT.N1   | Kế toán           | Kế toán              | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 31/05/2025  |         |
| 186 | Hoàng Văn Lập         | 23AM0404011 | 008096005119 | Tuyên Quang | Nam       | Tày     | Việt Nam  | 29/06/1996            | CH29AQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 22/11/2024  |         |
| 187 | Phan Thị Lương        | 23AM0404015 | 042194000220 | Hà Tĩnh     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/05/1994            | CH29AQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 28/11/2024  |         |
| 188 | Ngô Thuý Anh          | 23BM0404001 | 017301000433 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/07/2001            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 189 | Nguyễn Song Anh       | 23BM0404002 | 001181005999 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/11/1981            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 190 | Phạm Đức Công         | 23BM0404003 | 036086027057 | Ninh Bình   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 06/01/1986            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 191 | Nguyễn Thị Thúy Dương | 23AHTTS04   | 001301012191 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 23/07/2001            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 1995/QĐ-ĐHTM ngày 05/11/2024                                  | 27/11/2024  |         |
| 192 | Phạm Vũ Hồng Đức      | 23BM0404004 | 031090006194 | Hải Phòng   | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 10/07/1990            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 193 | Dương Trà Giang       | 23BM0404005 | 030192005523 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/03/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 194 | Trần Thùy Giang       | 23BM0404006 | 001199011909 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 12/06/1999            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 195 | Đinh Thị Thúy Hà      | 23BM0404007 | 037181000166 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 20/01/1981            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 196 | Nguyễn Thị Hạnh       | 23BM0404008 | 040188002076 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 07/10/1988            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 197 | Nguyễn Thị Hương      | 23BM0404012 | 026192000283 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 01/10/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |

| TT  | Họ và tên học viên    | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo     | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|--------------|-------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 198 | Nguyễn Thị Hương      | 23BM0404013 | 034192012738 | Hưng Yên    | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 16/12/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 199 | Hồ Thị Loan           | 23BM0404016 | 040188007003 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 29/02/1988            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 200 | Nguyễn Thị Thúy Lợi   | 23BM0404017 | 025179001051 | Phú Thọ     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/03/1979            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |
| 201 | Hoàng Thị Ngọc Mai    | 23BM0404018 | 020192002278 | Lạng Sơn    | Nữ        | Nùng    | Việt Nam  | 11/04/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 202 | Nguyễn Thị Mai        | 23BM0404019 | 030190006069 | Hải Phòng   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 03/01/1990            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 203 | Võ Thị Minh           | 23BM0404020 | 038181009896 | Thanh Hóa   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/08/1981            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 204 | Lý Nguyễn Khánh Ngân  | 23BM0404021 | 079186012983 | Hồ Chí Minh | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 30/01/1986            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 03/06/2025  |         |
| 205 | Phùng Thị Minh Phương | 23BM0404022 | 001192031982 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/10/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 09/06/2025  |         |
| 206 | Nguyễn Phương Thảo    | 23BM0404023 | 001192010006 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 10/12/1992            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 207 | Đinh Mai Thơm         | 23BM0404025 | 036196002605 | Ninh Bình   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 25/06/1996            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 07/06/2025  |         |
| 208 | Bùi Anh Thự           | 23BM0404026 | 001300006698 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 22/12/2000            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 11/06/2025  |         |
| 209 | Nguyễn Huyền Trang    | 23BM0404027 | 001187005905 | Hà Nội      | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 26/08/1987            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 13/06/2025  |         |
| 210 | Lê Thị Vân            | 23BM0404029 | 040180000332 | Nghệ An     | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 02/04/1980            | CH29BQTNL.N1 | Quản trị nhân lực | Quản trị nhân lực    | số 792/QĐ-ĐHTM ngày 12/05/2025                                   | 05/06/2025  |         |

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Nguyễn Hoàng

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ ĐỢT 3 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-ĐHTM, ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

| TT | Họ và tên học viên | Mã CHV      | CMND/CCCD    | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Quốc tịch | Ngày, tháng, năm sinh | Lớp          | Ngành đào tạo   | Chuyên ngành đào tạo | Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn/đề án tốt nghiệp | Ngày bảo vệ | Ghi chú |
|----|--------------------|-------------|--------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------------------|--------------|-----------------|----------------------|------------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 1  | Trần Mạnh          | 22AM0110105 | 022083005311 | Quảng Ninh | Nam       | Kinh    | Việt Nam  | 29/07/1983            | CH28AQLKT.N4 | Quản lý kinh tế | Quản lý kinh tế      | số 28/QĐ-ĐHTM ngày 05/01/2024                                    | 28/02/2024  |         |
| 2  | Nguyễn Thị Vy Tích | 22AM0301012 | 027195019433 | Bắc Ninh   | Nữ        | Kinh    | Việt Nam  | 11/06/1995            | CH28AKT.N1   | Kế toán         | Kế toán              | số 28/QĐ-ĐHTM ngày 05/01/2024                                    | 26/02/2024  |         |

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Nguyễn Hoàng